

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2020/DS-PT
Ngày: 30- 9 -2020
Về việc “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Văn Hai

2. Ông Nguyễn Phước Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 164/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2020/DS-ST, ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố XL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng X (Viết tắt là Ngân hàng X).

Địa chỉ: phường BB, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Th – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng X.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H – Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ Ngân hàng X. (Theo Quyết định số 1482/2020/QĐ-TGD ngày 08/07/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng X).

Đại diện theo ủy quyền lại của bà Huỳnh Nguyễn Bảo H: Ông Lai Quốc T. Địa chỉ: phường LC, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh và ông Trần Trọng Q –

Bộ phận Giám sát nợ. (Theo giấy ủy quyền số 40/2020/UQ-HDB ngày 08/8/2020 của Giám đốc trung tâm xử lý nợ Ngân hàng X). (Ông Hùng có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Minh Ng, sinh năm 1980; (có mặt)

Địa chỉ: phường ML, thành phố XL, tỉnh An Giang.

2.2. Bà Võ Thị Thúy C, sinh năm 1981;

Địa chỉ: phường MX, thành phố XL, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Thúy C: Ông Lê Minh Ng.
Địa chỉ: phường ML, thành phố XL, tỉnh An Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 23/3/2020)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Minh Ng, bà Võ Thị Thúy C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng X, do ông Lai Quốc T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0238/16/HĐTDHM-CN/046 ngày 27/4/2016 được ký kết giữa Ngân hàng X – chi nhánh An Giang vay số tiền là 5.600.000.000 đồng (năm tỷ sáu trăm triệu đồng). Mục đích vay để bổ sung vốn nuôi cá tra. Thời hạn vay là 36 tháng (từ ngày 27/4/2016 đến ngày 27/4/2019). Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Để bảo đảm số tiền vay ông Ng, bà C có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0238/16/HĐBĐ-046 với Ngân hàng X – chi nhánh An Giang, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 946181 do UBND thành phố XL cấp ngày 25/11/2015, gồm đất ở (Thửa số 205, tờ bản đồ số 18, diện tích 304,5m², loại đất ở đô thị); Nhà ở: diện tích xây dựng 113m², diện tích sàn 422,4m², kết cấu nền gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn BTCT, mái tole, số tầng 4). Địa chỉ: phường Mỹ Xuyên, thành phố XL, tỉnh An Giang. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh XL, ngày 27/4/2016. Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở ông Ng, bà C nhưng ông, bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng do đó ông Ng và bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng X tổng số nợ chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 0238/16/HĐTDHM-CN/046 ngày 27/4/2016 và các Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng với ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C với tổng số tiền 1.686.549.925 đồng (một tỷ, sáu trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm hai mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc 1.599.624.771 đồng và lãi tạm tính đến ngày 17/12/2019 là 86.925.154 đồng. Tiếp tục chịu lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày

18/12/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0238/16/HĐBD-046 ngày 28/4/2016 giữa Ngân hàng với ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C (đại diện theo ủy quyền của bà C là ông Lê Minh Ng) trình bày:

Ông Ng, bà C xác định có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0238/16/HĐTDHM-CN/046 ngày 27/4/2016 với Ngân hàng X – chi nhánh An Giang để vay số tiền là 5.600.000.000 đồng (năm tỷ sáu trăm triệu đồng). Mục đích bổ sung vốn nuôi cá tra. Thời hạn vay là 36 tháng (từ ngày 27/4/2016 đến ngày 27/4/2019). Lãi suất vay: được quy định cụ thể trên từng Giấy đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ. Để bảo đảm số tiền vay ông Ng và bà C có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0238/16/HĐBD-046 với Ngân hàng X – chi nhánh An Giang, tài sản thế chấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 946181 do UBND thành phố XL cấp ngày 25/11/2015, gồm đất ở (thửa số 205, tờ bản đồ số 18, diện tích 304,5m², loại đất ở đô thị); Nhà ở: diện tích xây dựng 113m², diện tích sàn 422,4m², kết cấu nền gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn BTCT, mái tole, số tầng 4). Địa chỉ: phường Mỹ Xuyên, thành phố XL, tỉnh An Giang. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh XL, ngày 27/4/2016.

Do trong quá trình làm ăn gặp khó khăn nên ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay qua yêu cầu của Ngân hàng ông, bà xác định thống nhất với số tiền còn nợ mà Ngân hàng yêu cầu với số tiền là: 1.765.383.618 đồng (một tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm mười tám đồng); trong đó nợ gốc 1.599.624.771 đồng và lãi tạm tính đến ngày 01/4/2020 là 165.758.847 đồng. Ông, bà đồng ý chịu trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0238/16/HĐTDHM-CN/046 ngày 27/4/2016 trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Để đảm bảo cho số tiền đã vay, ông Ng, bà C có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0238/16/HĐBD-046 với Ngân hàng X – chi nhánh An Giang, tài sản thế chấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 946181 do Ủy ban nhân dân thành phố XL cấp ngày 25/11/2015, gồm đất ở (Thửa số 205, tờ bản đồ số 18, diện tích 304,5m², loại đất ở đô thị); Nhà ở: diện tích xây dựng 113m², diện tích sàn 422,4m², kết cấu nền gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn BTCT, mái tole, số tầng 4). Địa chỉ: phường MX, thành phố XL, tỉnh An Giang. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh XL, ngày 27/4/2016.

Đối với các tài sản theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên trên ông Ng, bà C xác định hiện nay vẫn do Ngân hàng X – chi nhánh An Giang và ông quản lý sử dụng.

Ngày 01/4/2020, theo nội dung biên bản hòa giải thành tại phần: “Nội dung các đương sự thống nhất” của biên bản hòa giải có nội dung như sau: “Về thời gian, phương thức và địa điểm thanh toán số tiền trên: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày 02/4/2020 hạn chót đến ngày 08/7/2020 ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C tự thu xếp tài chính trả nợ cho ngân hàng”.

Đến ngày 06/4/2020, ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C (đại diện theo ủy quyền của bà C là ông Lê Minh Ng) có văn bản gửi đến tòa án yêu cầu bổ sung, thay đổi ý kiến của đương sự đối với thỏa thuận hòa giải ngày 01/4/2020 thành nội dung như sau: *“Về thời gian, phương thức và địa điểm thanh toán số tiền trên: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày 02/4/2020 hạn chót đến ngày 08/7/2020 ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C tự bán tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0238/16/HĐBĐ - 046 ngày 27/4/2016 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – chi nhánh An Giang với ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C để trả nợ cho ngân hàng”.*

Ngày 09/4/2020, ông Ng, bà C có văn bản gửi đến Tòa án không thống nhất theo nội dung biên bản hòa giải thành ngày 01/4/2020.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST, ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố XL quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X đối với bị đơn ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C.

Buộc ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng X do Ngân hàng X – chi nhánh An Giang đại diện nhận, tính đến ngày 04/6/2020 số tiền 1.812.983.098 đồng (một tỷ, tám trăm mười hai triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, chín mươi tám đồng). Trong đó: vốn gốc là 1.599.624.771 đồng, lãi tạm tính đến ngày 04/6/2020 là 213.358.327 đồng (hai trăm mười ba triệu ba trăm năm mươi tám nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, duy trì hợp đồng thế chấp tài sản, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 12 tháng 06 năm 2020, của ông Lê Minh Ng, bà Võ Thị Thúy C làm đơn kháng cáo nội dung là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST, ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố XL do vi phạm về thủ tục và nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh Ng, bà Võ Thị Thúy C; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố XL. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Minh Ng, bà Võ Thị Thúy C phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, bị đơn ông Lê Minh Ng, bà Võ Thị Thúy C kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận.

[2] Về xem xét nội dung vụ án sơ thẩm thì thấy:

Ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0238/16/HĐTDHM-CN/046 ngày 27/4/2016 được ký kết giữa Ngân hàng X - chi nhánh An Giang vay số tiền là 5.600.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn nuôi cá tra. Thời hạn vay là 36 tháng (từ ngày 27/4/2016 đến ngày 27/4/2019). Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; phương thức trả nợ: gốc trả cuối kỳ và lãi tháng. Do ông Ng, bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu ông Ng, bà C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền là 1.812.983.098 đồng. Trong đó: vốn gốc 1.599.624.771 đồng, lãi tạm tính đến ngày 04/6/2020 là 213.358.327 đồng. Đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0238/16/HĐBĐ-046 ngày 27/4/2016 giữa Ngân hàng với ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C để bảo đảm thi hành án.

[3] Xét đơn kháng cáo của ông Lê Minh Ng, bà Võ Thị Thúy C là bị đơn trong vụ án yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST, ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố XL; Cho bị đơn thời hạn 90 ngày để bị đơn tự bán tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng X theo như ý kiến đã trình bày tại phiên hòa giải (Lần 1) vào ngày 01/4/2020 tại Tòa án nhân dân thành phố XL. Ngày 01/4/2020, theo nội dung biên bản hòa giải thành tại phần: “Nội dung các đương sự thống nhất” của biên bản hòa giải có nội dung như sau: *“Về thời gian, phương thức và địa điểm thanh toán số tiền trên: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày 02/4/2020 hạn chót đến ngày 08/7/2020 ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C tự thu xếp tài chính trả nợ cho ngân hàng”*.

Đến ngày 06/4/2020, ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C (đại diện theo ủy quyền của bà C là ông Lê Minh Ng) có văn bản gửi đến Tòa án yêu cầu bổ sung, thay đổi ý kiến của đương sự đối với thỏa thuận hòa giải ngày 01/4/2020 thành nội dung như sau: *“Về thời gian, phương thức và địa điểm thanh toán số tiền trên: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày 02/4/2020 hạn chót đến ngày 08/7/2020 ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C tự bán tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0238/16/HĐBĐ - 046 ngày 27/4/2016 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – chi nhánh An Giang với ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C để trả nợ cho ngân hàng”*.

Ngày 09/4/2020 ông Ng, bà C có văn bản gửi đến Tòa án không thống nhất theo nội dung biên bản hòa giải thành ngày 01/4/2020. Nên từ đó cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng pháp luật.

Bị đơn cho rằng mục đích vay vốn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng X chi nhánh An Giang là bổ sung vốn lưu động để nuôi cá tra, thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và khi vay tiền ký kết hợp đồng, cán bộ tín dụng không yêu cầu ông cung cấp giấy tờ về tình hình tài chính minh bạch nên ông không biết, tại thời điểm đó Ngân hàng không cung cấp thông tin cho ông biết về lãi suất 6,5%, nhưng Ngân hàng X chi nhánh An Giang lại áp dụng mức lãi suất cho vay 11,5%/năm là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Căn cứ vào Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại khoản 1 Điều 13 quy định: Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay cung cầu vốn thị trường nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này. Nhưng tại Khoản 5 Điều 7 của Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016 quy định: “Trường hợp khách hàng vay vốn của Tổ chức tín dụng theo lãi suất cho vay quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này thì khách hàng được tổ chức tín dụng đánh giá là có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh”, như vậy ông Ng không đủ điều kiện thỏa mãn để vay theo khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016. Mặt khác, ông Ng cho biết bản thân cũng đã qua tham gia công tác tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang giữ chức vụ Phó

Phòng giao dịch, nên việc ông cho rằng ông không biết được các văn bản do Ngân hàng là không có căn cứ, từ đó việc ông Ng yêu cầu căn cứ vào Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017 tính lại lãi suất 6,5%/năm là không có căn cứ.

Trong đơn kháng cáo ông Ng cho rằng do nuôi cá bị thua lỗ, không còn khả năng thanh toán cho Ngân hàng X chi nhánh An Giang nên ông đã nhiều lần yêu cầu Ngân hàng bán tài sản thanh toán nợ. Cụ thể, tại các biên bản làm việc với Ngân hàng vào các ngày 10/9/2019, 15/12/2019, 06/2/2020 nhưng Ngân hàng không thực hiện nên ảnh hưởng gây thiệt hại của ông trong việc phải thực hiện việc đóng lãi. Hội đồng xét xử xét thấy việc vay nợ đến hạn nghĩa vụ trả nợ là của người vay, còn việc thế chấp tài sản là đảm bảo việc vay nợ, việc bị đơn đến hạn không thanh toán vốn lãi theo hợp đồng thì ngân hàng có quyền khởi kiện đến Tòa án theo quy định của pháp luật, còn việc bán tài sản để trả nợ là việc các đương sự tự thỏa thuận hoặc giữa các bên tự nguyện thì hành bản án.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0238/16/HĐTDHM-CN/046 ngày 27/4/2016 được ký kết giữa Ngân hàng X Thành phố Hồ Chí Minh - chi nhánh An Giang với ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C được ký kết trên cơ sở tự nguyện phù hợp với Điều 23 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Do ông Ng, bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng là vi phạm thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi và yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0238/16/HĐBĐ-046 ngày 27/4/2016 giữa Ngân hàng với ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C để bảo đảm thi hành án là phù hợp quy định.

Do đó cấp sơ thẩm buộc ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng X do Ngân hàng X - chi nhánh An Giang đại diện nhận, tính đến ngày 04/6/2020 số tiền 1.812.983.098 đồng. Trong đó: vốn gốc 1.599.624.771 đồng, lãi tạm tính đến ngày 04/6/2020 là 213.358.327 đồng là có căn cứ.

Quá trình vay tài sản giữa Ngân hàng X - chi nhánh An Giang với ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0238/16/HĐBĐ-046 ngày 27/4/2016. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh XL, ngày 27/4/2016 đúng quy định. Do đó cấp sơ thẩm tuyên tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp này để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng là có căn cứ.

Ông Ng trình bày là vào 06/5/2020 ông có làm đơn phản tố nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét. Căn cứ vào khoản 3, Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nhận tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện ngày 01/4/2020 đã tiến hành lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, đến ngày 06/5/2020 bị đơn nộp phản tố cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định pháp luật.

Ở giai đoạn phúc thẩm, bị đơn có nộp đơn xin miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ vào điểm đ, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn không thuộc trong các trường hợp được miễn giảm theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Minh Ng, bà Võ Thị Thúy C kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Minh Ng, bà Võ Thị Thúy C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003151 (tên Võ Thị Thúy C) và số 0003150 (tên Lê Minh Ng) cùng ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố XL.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh Ng, bà Võ Thị Thúy C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-PT ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố XL;

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X đối với bị đơn ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C.

2. Buộc ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng X do Ngân hàng X – chi nhánh An Giang đại diện nhận, tính đến ngày 04/6/2020 số tiền 1.812.983.098 đồng (một tỷ, tám trăm mười hai triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, chín mươi tám đồng). Trong đó: vốn gốc là

1.599.624.771 đồng, lãi tạm tính đến ngày 04/6/2020 là 213.358.327 đồng (hai trăm mười ba triệu ba trăm năm mươi tám nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/6/2020), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0238/16/HĐBĐ-046 ngày 28/4/2016 giữa Ngân hàng X – chi nhánh An Giang với ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C không thanh toán nợ cho Ngân hàng X Minh do Ngân hàng X – chi nhánh An Giang đại diện được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố XL xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0238/16/HĐBĐ-046 ngày 28/4/2016, cụ thể là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 946181 do UBND thành phố XL cấp ngày 25/11/2015, gồm đất ở (Thửa số 205, tờ bản đồ số 18, diện tích 304,5m², loại đất ở đô thị); Nhà ở: diện tích xây dựng 113m², diện tích sàn 422,4m², kết cấu nền gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn BTCT, mái tole, số tầng 4). Địa chỉ: phường MX, thành phố XL, tỉnh An Giang.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Minh Ng và bà Võ Thị Thúy C phải chịu 66.389.493 đồng (sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng X Minh do Ngân hàng X – chi nhánh An Giang đại diện nhận số tiền 31.298.249 đồng (ba mươi một triệu hai trăm chín mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000730 ngày 20/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố XL.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Minh Ng, bà Võ Thị Thúy C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003151 (tên Võ Thị Thúy C) và số 0003150 (tên Lê Minh Ng) cùng ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố XL.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND – An Giang;
- TAND – TP XL;
- THA – TP XL;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Lễ